

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 29/7/2022

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Dung

Bà Lê Thị Thủy

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa.

**- *Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình, thụ lý số 27/2022/TLPT-HNGĐ ngày 17/6/2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và nợ*”. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2022/HNGĐ-ST ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2022/QĐ-PT ngày 18/7/2022, giữa các đương sự:

**1. *Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Đình K - Sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

**2. *Bị đơn:*** Chị Mai Thị Ch – Sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

**3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Chị Nguyễn Thị D – Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

*Người đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Thị D:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 18 tháng 03 năm 2022)

- Ông Nguyễn Đình H – Sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt: anh K và chị Ch.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2021, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Đình K trình bày và đề nghị:

Anh và chị Mai Thị Ch kết hôn ngày 16/10/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị Ch ngoại tình với người đàn ông khác dẫn đến có thai phải đi phá thai. Năm 2015, anh có tát chị Ch một cái, ngoài ra không dùng vũ lực hay bạo hành vợ. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Cuộc sống của ai người đó tự lo, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Mai Thị Ch.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Nguyễn Đình Mai Tuấn Anh sinh ngày 17/4/2010 và cháu Nguyễn Đình Ngọc Sơn sinh ngày 14/01/2016. Hai cháu đang ở với anh và ông bà nội. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, các cháu khỏe mạnh, phát triển tốt về sức khỏe và tinh thần, các cháu được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Anh làm nghề xây dựng, thu nhập bình quân 12.000.000đ/tháng. Anh và các con đang ở nhà của bố mẹ đẻ. Trong lúc anh đi làm, có ông bà nội chăm sóc và đưa đón các cháu đi học. Anh hoàn toàn có đủ khả năng về kinh tế để nuôi cả 2 con.

Trong đơn khởi kiện ngày 20/10/2021, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản và nợ. Sau khi chị Ch có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, ông H và chị D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ, anh K trình bày như sau:

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là thửa đất 1254 tờ bản đồ số 14 Bản đồ địa chính xã Đồng Lợi diện tích 125m<sup>2</sup> tại Thôn, xã Đ, huyện S được UBND huyện Triệu Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT361540, sổ vào sổ cấp giấy CH 003900- 8138/QĐ- UBND ngày 16/10/2019 đứng tên Nguyễn Đình K và Mai Thị Ch trị giá 1.300.000.000đ. Ngoài ra không còn tài sản gì khác. Anh có nguyện vọng sử dụng thửa đất và giao tiền cho chị Ch, mức tiền giao cho chị Ch bao nhiêu đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về nợ: Tháng 8/2019, vợ chồng anh nhờ ông Nguyễn Đình H (Bố đẻ) đặt cọc 40.000.000đ mua thửa đất của ông Vương giá 500.000.000đ. Ông H yêu cầu vợ chồng anh trả số nợ 40.000.000đ, anh đồng ý, trong đó anh trả 20.000.000đ, chị Ch trả 20.000.000đ.

Ngày 31/8/2019, em gái anh là Nguyễn Thị D cho anh vay 5,5 xén (550.000 baht) tiền Thái Lan tương đương với 390.000.000đ tiền Việt Nam để mua đất, không lập thành giấy tờ, vì anh em ruột nên tin tưởng nhau. Anh trực tiếp nhận tiền vay của chị D, tại phòng vợ chồng anh trọ ở Thái Lan, có mặt cả chị Ch. Vợ chồng anh đã trả được 130.000 baht tương đương 93.000.000đ. Số tiền còn nợ chị D là 297.000.000đ (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng). Anh đồng ý với yêu cầu đòi nợ

của chị D, vợ chồng anh phải trả cho chị D 420.000 baht (tiền Thái Lan), ly hôn anh và chị Ch mỗi người trả một nửa.

2. *Tại Bản tự khai ngày 01/11/2021, Đơn đề nghị giải quyết tài sản chung của vợ chồng ngày 03/11/2021, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là chị Mai Thị Ch trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Đình K được UBND xã Đồng Lợi cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/10/2009. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh K có tính gia trưởng, vợ chồng hay cãi nhau, nhiều lần anh K đi cả đêm đến sáng mới về, có lần dùng tay tát chị dẫn đến tình cảm vợ chồng dần nứt. Chị không còn tình cảm với anh K. Tháng 10/2019, anh K về Việt Nam, còn mình chị ở Thái Lan làm việc. Thời điểm đó chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và có thai nhưng chị đã phá thai. Đến tháng 3/2020 chị về Việt Nam và chấm dứt chuyện tình cảm với người đàn ông kia. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Cuộc sống của ai người đó tự lo, không còn quan tâm đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh K xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa chị Ch khai bổ sung thêm nguyên nhân mâu thuẫn còn do anh K chơi bài bạc.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Đình Mai Tuấn Anh, sinh ngày 17/4/2010 và cháu Nguyễn Đình Ngọc Sơn, sinh ngày 14/01/2016. Hiện tại cả 2 cháu đang ở cùng với anh K và ông bà nội. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng một cháu, cháu nào cũng được, cháu còn lại giao cho anh K nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do dịch bệnh Covid 19 nên chị đang làm lông mi tại nhà và một số công việc khác thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng. Hiện nay, chị đã đi làm ở Công ty may tại Đồng Tiến, do mới đi làm nên chưa nhận lương, mức lương khoảng 6.000.000đ/tháng. Chị ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn Lạc Trạch, xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bố mẹ chị tạo điều kiện về nơi ở nuôi con sau ly hôn. Chị đi làm gần nhà, có thời gian chăm sóc và đưa đón con đi học. Chị hoàn toàn có đủ điều kiện về sức khỏe và kinh tế để nuôi con. Ngoài ra, chị còn có bố mẹ đẻ giúp đỡ chăm sóc cháu. Trong thời gian các cháu ở với anh K chị vẫn đến thăm và mua đồ cho các con. Chị cũng muốn đón con về nuôi nhưng anh K và ông bà nội không cho. Chị không đồng ý cho anh K nuôi cả 2 con vì anh K đi làm công trình xây dựng, đi sớm về muộn, các cháu đều do ông bà nội chăm sóc nhưng ông bà đã trên 60 tuổi, sức khỏe ngày càng yếu nên việc chăm sóc các cháu có phần hạn chế.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung: Thửa đất 1254 tờ bản đồ số 14 Bản đồ địa chính xã Đồng Lợi diện tích 125m<sup>2</sup> tại Thôn Quần Nham 2, xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn được UBND huyện Triệu Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT361540, sổ vào sổ cấp giấy CH 003900- 8138/ QĐ- UBND ngày 16/10/2019 đứng tên Nguyễn Đình K và Mai Thị Ch trị giá 1.300.000.000đ. Ngoài ra không còn tài sản gì khác. Nguồn tiền mua đất là tiền của vợ chồng chị làm ăn ở Thái Lan từ năm 2012 đến năm 2020, cộng dồn thời gian khoảng 5 năm, thu nhập

của hai vợ chồng sau khi trừ chi phí còn khoảng 150.000.000đ/năm nên có đủ tiền mua đất mà không phải vay mượn của ai.

Tại phiên tòa, chị đồng ý giao cho anh K quyền sử dụng thửa đất nhưng anh K phải giao cho chị số tiền 650.000.000đ.

Về nợ: Năm 2019, vợ chồng chị mua được thửa đất của ông Trần Văn Vương giá 500.000.000đ có nhờ bố chồng là ông Nguyễn Đình H đặt cọc 40.000.000đ là đúng nhưng số tiền này là tiền của vợ chồng chị gửi nhờ ông H giữ hộ. Nay ông H đòi vợ chồng chị phải trả 40.000.000đ, chị đồng ý trả cho ông H 20.000.000đ vì ông H có công làm thủ tục giấy tờ đất và chăm sóc con cái cho vợ chồng chị.

Về khoản nợ của chị Nguyễn Thị D: Chị không vay tiền và không trả tiền cho chị Nguyễn Thị D như chị D trình bày. Chị D yêu cầu vợ chồng chị trả 297.000.000đ, tại phiên tòa yêu cầu trả tiền Thái Lan 420.000baht, chị không đồng ý vì chị không vay tiền của chị D, còn anh K vay hay không chị không biết. Anh K và chị Nguyễn Thị D là anh em ruột. Chị D làm việc ở Thái Lan có một mình đã mua được hai thửa đất và làm nhà to nên không có tiền cho vợ chồng chị vay.

*3. Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 14/12/2021, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Đình H trình bày:* Giữa tháng 8/2019, ông Trần Văn Vương rao bán thửa đất số 1254, tờ bản đồ số 14, diện tích 125 m<sup>2</sup> tại thôn Quần Nham 2, xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn với giá 500.000.000đ. Ông đã gọi điện cho con gái là Nguyễn Thị D đang làm việc tại Thái Lan cho cháu mua nhưng sau đó, bố con ông bàn bạc nhường lại cho vợ chồng anh Nguyễn Đình K và chị Mai Thị Ch mua. Anh K nhờ ông đặt cọc trước cho ông Vương 40.000.000đ. Ngày 30/8/2019, ông đã giao 40.000.000đ đặt cọc cho ông Vương, ông đã cung cấp giấy nhận tiền đặt cọc cho Tòa án. Đây là số tiền riêng của ông, không phải do anh K chị Ch gửi về. Ngày 01/9/2019 anh K từ Thái Lan về. Đến ngày 03/9/2019 ông và anh K tới nhà ông Vương làm thủ tục chuyển nhượng và thanh toán hết số tiền mua đất. Ông bỏ tiền làm giấy tờ, thủ tục chuyển nhượng và sang tên hết 7.000.000đ nhưng ông không yêu cầu anh K, chị Ch trả số tiền này. Ông yêu cầu anh Nguyễn Đình K và chị Mai Thị Ch phải trả số tiền 40.000.000đ vay để đặt cọc mua đất, nếu vợ chồng ly hôn mỗi người phải trả 20.000.000đ.

*4. Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 16/12/2021, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Nguyễn Thị D và người đại diện theo ủy quyền chị Nguyễn Thị A trình bày:* Giữa tháng 8/2019, ông Nguyễn Đình H gọi điện sang Thái Lan cho chị D báo ông Trần Văn Vương đang rao bán thửa đất giá 500.000.000đ. Đến cuối tháng 8/2019, chị D và ông H thống nhất nhường lại cho anh K mua thửa đất này. Ngày 31/8/2019, chị D cho vợ chồng anh K vay 5,5 xén tiền Thái Lan được viết cụ thể là 550.000 Baht Thái Lan. Trong đơn yêu cầu chị D tính tỷ giá đổi là 1 Baht Thái Lan tương đương 710 đồng Việt Nam: 550.000 Baht x 710 đồng = 390.500.000 đồng Việt Nam. Chị D làm tròn thành 390.000.000 đồng Việt Nam. Ngày 31/12/2019, vợ chồng anh K trả: 30.000 Baht thời điểm tỷ giá 1 Bath tương đương 700đ = 21.000.000đ Việt Nam.

Ngày 06/02/2020 (Trong Biên bản lấy lời khai chị khai ngày 03/3/2020 trả 100.000 Baht là do nhớ nhầm thời gian) trả: 100.000 Baht thời điểm tỷ giá 1 Bath tương đương 720đ = 72.000.000đ đồng Việt Nam. Tổng số tiền vợ chồng anh K đã trả là 130.000 Baht Thái Lan tương đương 93.000.000đ Việt Nam. Khi vay tiền anh K là người nhận tiền. Chị Ch là người trả tiền cho chị D. Khi vay và trả tiền đều không viết giấy tờ. Số tiền vợ chồng anh K còn nợ: 420.000 Baht Thái Lan tỉ giá 1 Baht tương đương 710 đồng: 420.000 Baht x 710 đ = 298.200.000đ Việt Nam. Chị D yêu cầu vợ chồng anh K trả bằng số tiền theo đơn yêu cầu 297.000.000đ (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng). Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của chị D yêu cầu vợ chồng anh K trả nợ cho chị D bằng tiền Thái Lan là 420.000 baht.

5. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh K trình bày quan điểm và đề nghị: Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh K là do chị Ch có quan hệ ngoại tình dẫn đến có thai, đã vi phạm nghĩa vụ của người vợ. Đến nay, vợ chồng anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng đề nghị Toà án xử cho anh K được ly hôn chị Ch. Về con chung: Điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con và thu nhập của anh K tốt và cao hơn của chị Ch; để tránh xáo trộn tâm lý cho các cháu đề nghị HĐXX giao cả 02 con cho anh K nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Xét tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 1254 tờ bản đồ số 14 Bản đồ địa chính xã Đồng Lợi diện tích 125m<sup>2</sup> tại thôn Quần Nham 2, xã Đồng Lợi phần lớn là công sức đóng góp của anh K, mặt khác chị Ch có lỗi vi phạm nghĩa vụ vợ chồng đề nghị HĐXX áp dụng điểm b,d Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh K sử dụng thửa đất, anh K giao cho chị Ch 500.000.000đ. Về nợ: Đề nghị HĐXX công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Vợ chồng anh K, chị Ch trả ông H 40.000.000đ, trong đó anh K trả 20.000.000đ, chị Ch trả 20.000.000đ. Về khoản nợ của chị D: Anh K và chị Ch phải trả cho chị D số tiền còn nợ 420.000 baht Thái Lan, tính tỷ giá tại thời điểm xét xử.

6. *Biên bản xác minh ngày 17/11/2021, đại diện UBND xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cung cấp:* Anh K và chị Ch là công dân của xã Đồng Lợi. Địa phương không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng anh K và chị Ch. Hiện nay, chị Ch về ở với bố mẹ đẻ ở thôn Lọc Trạch, Đồng Lợi. Anh K và các con vẫn ở với bố mẹ anh K ở thôn Quần Nham, xã Đồng Lợi. Vợ chồng anh K có 02 con chung: Cháu Nguyễn Đình Mai Tuấn Anh sinh ngày 17/4/2010 và cháu Nguyễn Đình Ngọc Sơn sinh ngày 14/01/2016. Các cháu ngoan, khỏe mạnh, đi học đầy đủ, không bị bạo hành. Anh K làm nghề tự do, có thu nhập, sức khỏe tốt, không có vi phạm pháp luật, có đủ điều kiện nuôi con. Chị Ch đang làm công việc tại nhà, có thu nhập, có sức khỏe, có khả năng lao động để tạo ra thu nhập, chưa có hành vi vi phạm pháp luật nào bị xử lý, có điều kiện để nuôi con.

7. *Tại Biên định giá tài sản ngày 23/3/2022, Hội đồng định giá tài sản kết luận:* Thửa đất 1254 tờ bản đồ số 14 Bản đồ địa chính xã Đồng Lợi diện tích 125m<sup>2</sup> tại Thôn Quần Nham 2, xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn được UBND huyện Triệu Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT361540, sổ vào sổ cấp

giấy CH 003900- 8138/QĐ- UBND ngày 16/10/2019 đứng tên anh Nguyễn Đình K và chị Mai Thị Ch tại thời điểm định giá có giá: 1.300.000.000đ.

8. *Tại văn bản cung cấp tỷ giá của tiền Việt Nam đồng so với các ngoại tệ ngày 28/4/2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Thanh Hoá:* 01 Thái Lan Baht tương đương với giá mua vào 589,91 Việt Nam Đồng. Đây là cơ sở để HĐXX tính tỷ giá ngoại tệ tại thời điểm xét xử vụ án.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2022/HNGĐ-ST, ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2,4 Điều 147, các Điều 157, 165, 271, 273, 278, 280 BLTTDS; Điều 213, 463,466 Bộ luật dân sự; Các Điều 33, 51, 56, 59, 62, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, b, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn xử cho anh Nguyễn Đình K được ly hôn chị Mai Thị Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình Mai Tuấn Anh sinh ngày 17/4/2010 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Đình Ngọc Sơn sinh ngày 14/01/2016 cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K và chị Ch có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về tài sản chung, về nợ, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 09/5/2022 anh Nguyễn Đình K có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh K giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh K. Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nghị Quyết 326/UBTVQH ngày 31/12/2016 của Quốc Hội quy định về án

phí, lệ phí Tòa án, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đình K, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 31/2022/HNGĐ-ST, ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Đình K gửi trong thời hạn quy định, hợp lệ được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Đình K với nội dung:

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con thì thấy rằng: anh K và chị Ch đều có nguyện vọng nuôi con là chính đáng, hiện tại cả anh K và chị Ch đều có đủ điều kiện nuôi con, đều có công việc, có nơi ở và thu nhập ổn định.

Tuy nhiên, cháu Nguyễn Đình Ngọc Sơn mới được 6 tuổi, còn quá nhỏ nên rất cần sự chăm sóc chu đáo, tận tình và trực tiếp của người mẹ. Án sơ thẩm giao cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sơn là phù hợp, đảm bảo quyền lợi và nguyện vọng của phụ nữ và trẻ em.

Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của anh K xin được trực tiếp nuôi cả 2 con, giữ nguyên án sơ thẩm về phần giao nuôi con như án sơ thẩm đã xử là phù hợp.

[3] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Đình K phải nộp án phí phúc thẩm vì kháng cáo của anh K không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đình K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/HNGĐ-ST, ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa về phần giao nuôi con.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh K phải nộp 300.000đ, đã nộp đủ tại biên lai thu số 0006610, ngày 12/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- TAND huyện Triệu Sơn;
- Chi cục THADS huyện Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nga**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

Các Thẩm phán                      Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa



**Lê Thị Thủy**

**Lê Thị Dung**

**Nguyễn Thị Nga**